VFM
VIETFUND MANAGEMENT

Số :1407/VFM.2016

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/*Dear* : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/*Authorized Participants and Investors*

Công ty QLQ VFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:
VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: **Quỹ ETF VFMVN30**/ *Fund name:* ***VFMVN30 ETF***
- Mã ccq/Code: **E1VFVN30**
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange Date:* 14-07-16
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ *Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares*
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of component securities and cash component:*

Stt *Order*	Mã chứng khoán Securities Code	Số lượng Shares Amount	Tỷ lệ % trong danh mục/Weighting
1	BVH	320	1.89%
2	CII	940	2.40%
3	CTG	1,750	3.15%
4	DPM	730	2.06%
5	EIB	4,000	4.30%
6	FLC	1,990	1.14%
7	FPT	1,730	7.07%
8	GMD	600	1.60%
9	HAG	2,040	1.34%
10	HCM	240	0.76%
11	HHS	710	0.62%
12	HPG	1,890	7.49%
13	HSG	560	2.43%
14	HVG	640	0.61%
15	ITA	1,980	0.83%
16	KBC	1,210	1.96%
17	KDC	580	1.57%
18	MBB	3,010	4.39%
19	MSN	1,260	8.04%
20	NT2	400	1.31%
21	PPC	370	0.51%
22	PVD	820	2.36%
23	PVT	540	0.74%
24	REE	870	1.71%
25	SBT	430	1.40%
26	SSI	1,690	3.88%
27	STB	5,280	5.78%
28	VCB	1,250	6.84%

29	VIC	2,110	11.05%
30	VNM	730	10.22%

- Giá trị DMCKCC/The value of basket of component securities (VND): 1,044,316,000
- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ The value of creation unit (VND): 1,050,117,080
- Giá trị chênh lệch/Cash component (VND): 5,801,080
- Phương án xử lý giá trị chênh lệch/In case of cash component:

+ Đối với nhà đầu tư mua ETF/
In case of buyer: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/
Buyer transfers cash component to Fund

+ Đối với nhà đầu tư bán ETF/
In case of seller: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/
Seller receives cash component after tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC trong danh mục thực hiện hoán đổi chuyển đi hoặc nhận về được thay thế bằng tiền (nếu có)/ Securities are accepted to contribute by cash

Mã chứng khoán/ *Securties Code*	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu/ *Cash per share (VND)*	Đối tượng áp dụng/*APs and Investors*	Lý do/ *Reason*
BVH	68,200	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4.a Thông tư 210/2012/TT-BTC/ *Restriction of ownership*
HCM	36,740	HSC	Cổ phiếu quỹ/ *Treasury shares*

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/*Criteria*	Kỳ này/*This period* **14-07-16**	Kỳ trước/*Last period* **13-07-16**	Chênh lệch/ *Changes*
Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	10	-10
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding Shares	31,100,000	31,100,000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	10,300	10,400	-100
Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	337,087,582,700	339,508,847,904	-2,421,265,204
của một lô ETF/per Creation Unit	1,050,117,080	1,025,706,489	24,410,591
của một chứng chỉ quỹ/per Share	10,501.17	10,257.06	244.11
Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	670.15	676.07	-5.92

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VFM/*Fund Management Company VFM*

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc/CEO